

NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN TỚI CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 Ở NGHỆ – TĨNH

TS NGUYỄN TÁT THẮNG*

Cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930-1931), là sự khởi đầu oanh liệt và vẻ vang trong hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng ta. Gần 80 năm đã trôi qua, nhiều nhà nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước đã viết về Xô viết Nghệ - Tĩnh. Tuy vậy, vẫn còn có một số sự kiện chưa được làm sáng tỏ hoặc có sự đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược nhau... Bài viết tập trung phân tích những nguyên nhân chính dẫn tới cao trào cách mạng 1930 – 1931 ở Nghệ - Tĩnh, trong đó có 2 nguyên nhân chung cả nước và 3 nguyên nhân mang tính chất địa phương.

1. Chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của đế quốc Pháp và địa chủ phong kiến tay sai

Năm 1929, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nổ ra ở hầu khắp các nước tư bản phát triển. Tại Pháp, cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra muộn hơn các nước khác, nhưng thời gian khủng hoảng lại kéo dài tới năm 1936. Để giải quyết khó khăn, đế quốc Pháp vừa bóc lột nhân dân trong nước, vừa vơ vét của cải ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Mục đích khai thác của thực dân Pháp ở Việt Nam là vơ vét

tài nguyên và bòn rút nhân công đông đảo, giá rẻ của nhân dân ta, làm giàu cho tư bản Pháp ở chính quốc. Để đạt được mục đích đó, chính quyền thực dân Pháp không đầu tư máy móc vào công nghiệp, hạn chế các chi phí sản xuất và kết hợp phương thức bóc lột phong kiến lạc hậu để thu lợi nhuận cao. Hầu hết công việc trong nhà máy đều là lao động thủ công. Công nhân vào làm thuê trong các nhà máy là những nông dân nghèo khổ, bị tước đoạt ruộng đất ở các làng xã, phủ huyện xung quanh thành Vinh. Họ được chủ nhà máy nhận vào làm thuê dưới nhiều hình thức như làm khoán, làm công nhật hoặc ăn lương tháng, làm việc theo khoán sản phẩm nhưng không có giấy giao kèo. Khi nhà máy có việc thì vào làm, không có việc thì ra làm thuê các công việc vặt ở thị xã hoặc trở về quê cày ruộng thuê cho địa chủ. Hàng ngày họ phải làm việc từ 12 đến 16 giờ, với tiền lương rẻ mạt. Điều kiện làm việc, đời sống công nhân và gia đình họ vô cùng thiếu thốn. Tình trạng “*bán lương non, mua hàng chịu*” trở thành phổ biến trong đời sống công nhân.

Đi đôi với khai thác các ngành công nghiệp, tư bản Pháp còn cướp đất, lập đồn điền ở Nghệ

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học sư phạm Huế

– Tỉnh. Đến năm 1929, ở Nghệ – Tĩnh đã có 45 đồn điền của bọn tư bản Pháp, diện tích khai thác lên tới 7.868 ha (riêng đồn điền của tên Vante ở Phú Quỳ (Nghĩa Đàn) rộng tới 4.129 ha), gấp 3 lần so với năm 1926¹. Thực dân Pháp không những vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân lực, mà còn bóc lột vô hạn độ nhân dân ta với nhiều thứ thuế nặng nề, vô lý.

Được chính quyền thực dân ở thuộc địa dung túng, quan lại, cường hào còn lợi dụng chức quyền lũng đoạn ruộng đất công, ức hiếp nhân dân trong các kỳ thu sưu thuế. Địa chủ Nghệ – Tĩnh sở hữu ruộng đất không lớn, nhưng khá đông. Cả Nghệ – Tĩnh thời ấy chỉ có 14 địa chủ chiếm từ 100 mẫu trở lên, nhưng số chủ ruộng có ruộng đất phát canh thu tô là 24.500 hộ. Ở nhiều làng xã ven sông Lam, người dân lao động hầu như không có ruộng đất riêng, quanh năm họ phải cày thuê ruộng đất của địa chủ và của làng xã.

Song song với sự bóc lột kinh tế, “cả một chế độ chính trị nghẹt thở và đàn áp dã man của thực dân Pháp càng làm tăng lòng căm phẫn của nhân dân: từ cuối năm 1929, hàng nghìn vụ bất bớ xảy ra ở Bắc, Trung, Nam”², trong đó, Nghệ – Tĩnh có nhiều người bị Pháp bắt và kết án tử hình. Tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân Nghệ - Tĩnh năm 1930 đã bị phơi bày: “Thằng đế quốc Pháp khai hóa cho dân An Nam như thế đó, Khai hóa gì? Khai hóa bằng gươm, bằng súng. Bảo hộ gì? Bảo hộ bằng triệt phá, bắt bớ, tù đày, chém giết. Dù đế quốc Pháp có giả danh nhân nghĩa chẳng nữa, cũng không che kín được mặt nạ của nó được”³.

Chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của đế quốc Pháp và bọn quan lại địa chủ phong kiến trong giai đoạn này đã làm cho mâu thuẫn giữa công nhân với tư bản, giữa nông dân với địa chủ và bao trùm hơn là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm bùng phát phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam nói chung và Nghệ Tĩnh nói riêng. Lối thoát của họ lúc này là phải đứng lên đấu tranh cách mạng vì “Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết”⁴.

2. Đảng ta ra đời (1930) trực tiếp tổ chức phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng

Sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10-1930 đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương), đồng chí Nguyễn Phong Sắc cùng đồng chí Lê Mao, là hai ủy viên Trung ương phụ trách Trung Kỳ, chỉ đạo việc xây dựng và hợp nhất các tổ chức Đảng ở Trung Kỳ - trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Trung Kỳ. Các tỉnh ủy lâm thời được thành lập là: Tỉnh ủy Vinh (bao gồm thành Vinh – Bến Thủy, hai huyện Hưng Nguyên, Nghi Lộc và thị xã Thanh Hóa), Tỉnh ủy Nghệ An và Tỉnh ủy Hà Tĩnh⁵.

Do sớm có tổ chức Đảng lãnh đạo và các tổ chức quần chúng rộng, mạnh nên các khẩu hiệu đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh cụ thể, thiết thực, phù hợp với yêu cầu cấp thiết của các tầng lớp nhân dân. Các truyền đơn rải ở thành Vinh và một số huyện nhân ngày kỷ niệm

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1929 đã mang nội dung phản đối đế quốc Pháp xử chém Phan Văn Thân, Nguyễn Văn Điều là hai cán bộ của Tổng Nông hội Nghệ - Tĩnh (ngày 13 - 3 - 1930). Các cấp ủy Đảng ở Nghệ - Tĩnh đã xuất phát từ tình hình thực tế để phát triển và cụ thể hóa khẩu hiệu đấu tranh do Trung ương đề ra cho sát hợp với yêu cầu của mỗi tầng lớp quần chúng nhân dân ở địa phương.

Nhờ những khẩu hiệu đúng đắn của Đảng mà ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta phát động được quần chúng công nông tạo thành đội quân chủ lực của cách mạng, và thu hút tầng lớp học sinh, trí thức tiểu tư sản và các tầng lớp yêu nước khác.

Phong trào 1930 - 1931 là kết quả tất yếu của những mâu thuẫn kinh tế, chính trị trong lòng xã hội Việt Nam, mà Đảng ta là người đã nắm được quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, phát động quần chúng đứng lên giải quyết những mâu thuẫn đó.

3. *Quần chúng công nông Nghệ - Tĩnh có truyền thống yêu nước, đấu tranh anh dũng chống áp bức, bóc lột, ý chí quật cường chống ngoại xâm.*

Trong lịch sử dân tộc, "Nghệ - Tĩnh đã đóng một vai trò quan trọng đối với sự nghiệp cứu nước và dựng nước"⁶. Từ khi đế quốc Pháp xâm chiếm nước ta, nhân dân Nghệ - Tĩnh luôn luôn có mặt trong các phong trào cứu nước và đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp. Nơi đây đã sinh ra nhiều nhà yêu nước nổi tiếng như Trần Tấn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Lê

Doãn Nhã, Phan Bội Châu... Truyền thống yêu nước ấy thể hiện bằng những hành động đấu tranh của nhân dân như chống sưu thuế, kiện hào lý tham ô, những lạm... Ở một số huyện như Thanh Chương, Anh Sơn, Nam Đàn, Đức Thọ..., nhân dân thường đứng về một phe, gọi là "*phe hộ*" để chống "*phe hào*" tức bọn cường hào. Viên Khâm sứ Trung Kỳ đã phải thừa nhận: "*Thời nào cũng vậy, thái độ chính trị của Nghệ - Tĩnh đều làm cho chính phủ An Nam bận lòng, lo lắng*"⁷. Truyền thống yêu nước kết hợp với sự nghèo khổ đến cực độ của công nhân và nông dân đã khiến cho Nghệ - Tĩnh như một đồng cỏ khô, chỉ chờ có ngọn lửa là bốc cháy, nhất là khi có Đảng Cộng sản phát động, lãnh đạo đấu tranh.

Truyền thống yêu nước, ý chí chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, chống áp bức, bạo quyền đã trở thành một truyền thống tốt đẹp được hun đúc hàng ngàn năm ở vùng quê nghèo này. Từ bao đời nay, nhân dân Nghệ - Tĩnh đã không tiếc máu xương để cùng với nhân dân cả nước chống lại các thế lực ngoại xâm và nội phản. Nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu viết trong bộ *Chống xâm lăng* như sau: "Đó là một vùng (chỉ Nghệ - Tĩnh - T.G) hiểm trở, nghèo đói song lại giàu truyền thống đấu tranh. Đời Trần đã dùng vùng này chống quân Nguyên cũng như Lê Lợi đã thủ hiểm ở đây 6 năm, sau tiến đánh quân Minh thắng lợi"⁸.

Tinh thần yêu nước của nhân dân Nghệ - Tĩnh cũng được phản ánh một phần qua tác giả và tác phẩm thơ văn yêu nước ở thời kỳ

đầu thế kỷ XX. Trong cuốn *Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX*⁹, Nghệ – Tĩnh có 27 tác giả. Trong số đó, ba người đã bị thực dân Pháp xử tử (Hoàng Trung Mậu, Trần Hữu Lực, Nguyễn Đình Hồ), hai người tuấn tiết để giữ trọn khí tiết (Đặng Thái Thân, Trần Đông Phong). Trừ hai người không thấy nói đến mang án chính trị, tất cả số còn lại đều bị Nam Triều kết trọng tội, từ án tử hình đến khổ sai nhiều năm, nhiều người bị đày ra Côn Đảo.

Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, chống bạo quyền, áp bức bất công đã trở thành một giá trị văn hoá được đồng bào cả nước nói chung và nhân dân Nghệ - Tĩnh nói riêng ghi nhớ, mãi mãi trân trọng, gìn giữ và phát huy.

4. *Nghệ - Tĩnh sớm xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, công nhân Nghệ - Tĩnh đã phát huy vai trò tiên phong trong các cuộc đấu tranh*

Vinh – Bến Thủy trở thành trung tâm công nghiệp và thương mại của tư bản Pháp ở Trung Kỳ và Trung Lào. Ở đây có gần một chục nhà máy, xí nghiệp. Trừ nhà máy Trường Thi là nhà máy sửa chữa xe lửa cho cả xứ Trung Kỳ do nhà nước quản lý, còn lại là các xí nghiệp chế biến của các công ty tư bản tư nhân như nhà máy diêm, nhà máy cá hộp, nhà máy đóng rượu chai và các nhà máy cưa, xẻ gỗ xuất khẩu. “Số lượng công nhân ở Nghệ - Tĩnh đến năm 1930 có khoảng 6.000 người”¹⁰, trong đó có khoảng hơn 4.000 người tập trung ở Vinh – Bến Thủy. Có nhà máy tập trung từ 600 đến 1.000 công nhân như nhà

máy diêm và nhà máy sửa chữa xe lửa Trường Thi. Cảng Bến Thủy ngày một mở rộng, số lượng công nhân bốc dỡ hàng hóa trên bến cảng hàng ngày có khoảng 500 đến 600 người.

Công nhân Vinh - Bến Thủy có mối liên hệ chặt chẽ, tự nhiên với nông dân ở miền Trung, nhất là bốn tỉnh Thanh – Nghệ – Tĩnh – Bình. Đội ngũ công nhân ở Nghệ - Tĩnh xuất thân từ nông dân bị bản cùng hóa, lại hoạt động ngay ở Nghệ – Tĩnh là xứ sở của cha ông họ, nên sự gắn bó của công, nông ở đây chẳng những do hoàn cảnh cùng bị đế quốc bóc lột, mà còn vì chung huyết thống, chung phong tục tập quán. “*Nhiều công nhân, sau giờ làm việc và ngày nghỉ, lại về làng sống với gia đình, không thoát ly hẳn ruộng đất*”, lại cùng bị áp bức, bóc lột¹¹. Công nhân và nông dân có mối quan hệ khăng khít vì còn nhiều ràng buộc về mặt gia đình, huyết thống, đồng hương và phong tục là đặc điểm khác biệt của giai cấp công nhân và nông dân ở Việt Nam nói chung, Nghệ - Tĩnh nói riêng so với các nước tư bản phương Tây. Chính sự khác biệt ấy là tiền đề làm xuất hiện lần đầu tiên ở một thành phố thuộc địa (Vinh – Bến Thủy) sự kiện công, nông bắt tay nhau giữa trận tiền năm 1930, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Sự liên hệ ruột thịt ấy giữa công nhân và nông dân Nghệ – Tĩnh “đã khiến cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nông dân ở đây, hướng ứng nhau một cách trực tiếp và hòa lẫn làm một”¹².

5. *Vốn là địa bàn hoạt động chính của Tân Việt cách mạng Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Nghệ - Tĩnh sớm có một Đảng bộ mạnh, nhiều cơ sở trong nhân dân*

Những năm 1925 – 1926, phong trào yêu nước Nghệ – Tĩnh mà nòng cốt là lực lượng công nhân có sự chuyển biến mạnh mẽ, sôi nổi và phát triển theo khuynh hướng cách mạng do hoạt động tích cực của một số trí thức tân học như Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Sĩ Sách... Trong bối cảnh đó, ngày 14 - 7 - 1925, Đảng Phục Việt được thành lập tại Nghệ An. Trong số những người dự họp có nhiều người quê Hà Tĩnh, như Lê Văn Huân, Trần Phú... Chịu sự tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Đảng Phục Việt đã chuyển hóa, đổi tên nhiều lần, để đến tháng 7 - 1928, lấy tên là Tân Việt Cách mạng Đảng (gọi tắt là Tân Việt)¹³. Tân Việt là một tổ chức tiểu tư sản yêu nước nhiệt thành, địa bàn hoạt động chủ yếu là ở Trung Kỳ.

Từ sau năm 1928, Tân Việt và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có cơ sở khá rộng ở Nghệ – Tĩnh (ở Nghệ An, cơ sở Tân Việt rộng hơn cơ sở Thanh Niên, ở Hà Tĩnh hầu hết hầu hết là cơ sở Tân Việt). Tổng bộ Tân Việt và Kỳ bộ Thanh niên đóng ở thành Vinh, Nghệ An, trở thành đầu mối của đường dây liên lạc vào Nam ra Bắc đưa người xuất dương sang Thái Lan... Điều kiện đó khiến cho cơ sở cách mạng ở Nghệ An mau chóng phát triển. Đến khi nhóm Đông Dương Cộng sản Đảng thành lập, cử người vào Bắc Trung Kỳ vận động thành lập Đảng Cộng sản (6 – 1929), thì các cơ sở của Thanh niên và một số

đảng viên Tân Việt đã chuyển thành tổ chức và đảng viên cộng sản. Tháng 9 - 1929, các đại biểu có xu hướng cộng sản trong Tân Việt đã họp, ra “Tuyên đạt” Đông Dương Cộng sản Liên đoàn¹⁴. Trước đó Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng đã phân hóa thành hai tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

Như vậy, là bước vào những tháng giữa năm 1929, ở Nghệ – Tĩnh đã có cơ sở của Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sau Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, *việc thống nhất Đảng ở Nghệ – Tĩnh được tiến hành thuận lợi. Đối với Hà Tĩnh, cuối tháng 3 – 1930, phái viên Trung ương đã vào tổ chức một cuộc họp tại bến đò Thượng Trụ (xã Thiên Lộc – Can Lộc), lập ra Tỉnh đảng bộ Hà Tĩnh.* Đó là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp trong hai tỉnh, đồng thời cũng là sự chuẩn bị tất yếu, đầu tiên có tính chất quyết định cho bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh sau đó.

Về số lượng đảng viên và các tổ chức quần chúng ở Hà Tĩnh, theo số liệu báo cáo ngày 27 - 12 - 1930 của Xứ ủy Trung Kỳ và báo cáo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 20 - 4 - 1931, số đảng viên trong 149 chi bộ là 1.332 người (chiếm 89% tổng số đảng viên ở Trung Kỳ). Các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ phát triển tương đối mạnh hơn. Công hội ở Nghệ – Tĩnh gồm một ban chấp hành Tổng công hội tỉnh và các ban chấp

hành ở các nhà máy với 312 hội viên (chiếm 43,5% số hội viên của 12 tỉnh cả nước). Nông hội đều có tổ chức tại khắp các phủ huyện, gồm 40.467 người (chiếm 96% tổng số hội viên của 12 tỉnh cả nước). Thanh niên có tổ chức ở Nam Đàn, Thanh Chương, Anh Sơn, Hưng Nguyên và Hà Tĩnh, gồm 864 người¹⁵. Như vậy, so với các địa phương khác, ở Nghệ – Tĩnh, lực lượng cách mạng lúc đó là tương đối mạnh và đây chính là điểm khác biệt giúp cho phong trào cách mạng ở Nghệ – Tĩnh phát triển lên đến đỉnh cao.

Từ ngày 1 – 5 đến ngày 30 – 8 – 1930, có 97 cuộc bãi công và biểu tình của công nông Nghệ - Tĩnh đã nổ ra, đó chính là tiền đề của Xô viết Nghệ - Tĩnh. Trên cơ sở đó, đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng hình thành. Sức mạnh của đội quân này đã làm sụp đổ một phần bộ máy thống trị của đế quốc Pháp ở nông thôn từ những ngày đầu tháng 9 - 1930.

1. Xem Lê Văn Túc: *Đảng với vấn đề ruộng đất trong phong trào Xôviết Nghệ – Tĩnh thời kỳ 1930 – 1931*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Thư viện quốc gia, ký hiệu LA.04.07679, tr. 30

2, 11, 12. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng: *Xôviết Nghệ – Tĩnh*, ST, H, tr. 5,6,7

3. Bài nói chuyện của đại biểu Đảng Cộng sản trước lễ truy điệu những người thiệt mạng trong cuộc biểu tình ở Nghệ – Tĩnh, TL Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, phong số 40, ĐVBQ 48, tr. 1

4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.3, tr. 9

5. Đến hội nghị ngày 29 - 4 - 1931, Xứ ủy Trung Kỳ quyết định bỏ Tỉnh ủy và Thành ủy, lập ra hai Khu ủy Vinh và Bến Thủy đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy. Còn hai huyện Hưng Nguyên và Nghi Lộc giao về cho Tỉnh ủy Nghệ An.

6. Phát biểu của đồng chí Lê Duẩn tại Đại hội tỉnh Đảng bộ Nghệ An, năm 1967

7. Báo cáo ngày 15-7-1931 của Saten, Khâm sứ Trung Kỳ

8. Trần Văn Giàu: *Chống xâm lăng*, NXB TP Hồ Chí Minh (tái bản 2001), tr.677

9. *Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900 – 1930)*, NXB Văn học, H, 1989

10. Trần Bá Đệ: *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2001, tr. 132

13. Năm 1926, do bị lộ sau lần rải truyền đơn đòi chính quyền Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (11-1925), Hội Phục Việt đổi tên thành Hội Hưng Nam. Sau nhiều lần liên lạc với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để bàn bạc việc hợp nhất không thành, Hội Hưng Nam lại đổi tên là Việt Nam Cách mạng Đảng (1926), rồi Việt Nam Cách mạng đồng chí Hội (1927), cuối cùng là Tân Việt Cách mạng Đảng (14-7-1928)

14. Trong cuốn *Lịch sử Xôviết huyện Can Lộc*, các tác giả có trích dẫn một đoạn trong hồi ký của một cán bộ Tân Việt nói về sự ra đời Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Tuy nhiên, căn cứ trên nhiều nguồn tài liệu, theo chúng tôi sự kiện Đông Dương Cộng sản liên đoàn được thành lập ngày 31-12-1929 là thiếu chính xác

15. Trần Huy Liệu: *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp. Quyển thứ 2, tập thượng*, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, H, 1961, tr.80.